

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

Ông Ngô Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐ-ST ngày 15/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/6/1991 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thúy H, sinh ngày 15/11/1991 (vắng mặt)

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Nơi thường trú và địa chỉ cuối cùng của chị H tại Việt Nam: thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2016 anh, chị cùng sang Hàn Quốc lao động. Sau khi sang Hàn Quốc vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 2/2018

thì phát sinh mâu thuẫn, kể từ đó anh, chị sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện nhằm tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo anh, chị về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ đó đến nay anh, chị H không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thúy H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, công nợ chung.

Chị Nguyễn Thúy H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 22/12/2023 và 03/01/2024, ông Nguyễn Quang H là bố chị Nguyễn Thúy H cho biết: anh T, chị H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2016 anh, chị cùng sang Hàn Quốc lao động. Sau khi sang Hàn Quốc vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 2/2018 thì ông thấy chị H nói anh, chị có mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông biết là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo anh, chị nhưng không được. Anh, chị không có con chung.

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, ông đã thông báo cho chị H. Chị H thường xuyên liên lạc về với gia đình, trong những lần liên lạc chị cho biết: chị và anh T hiện nay không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị cũng đề nghị Tòa án xử cho chị và anh T được ly hôn nhau. Chị hiện đang lao động tại Hàn Quốc nhưng chị không cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi làm việc tại Hàn Quốc và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thúy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn T; bản tự khai của ông H là bố đẻ chị Nguyễn Thúy H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thúy H.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị H. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn trả lời số 35625/QLXNC-P3 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 27/12/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị H xuất cảnh gần nhất ngày 13/11/2023, hiện chưa có thông tin nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định chị H hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, chị H là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông H là bố đẻ chị H, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị H trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị H thông qua ông H và đề nghị ông H thông báo cho chị H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn” giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T và bị đơn là chị Nguyễn Thúy H. Ông H cho biết chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị H không cung cấp cho gia đình,

Tòa án địa chỉ cụ thể của chị H tại Hàn Quốc. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thúy H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thúy H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thúy H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T, chị H chung sống hòa thuận và cùng sang Hàn Quốc lao động. Sau khi sang Hàn Quốc vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận nhưng đến tháng 2/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện thoại khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn, tiếp tục về chung sống nhưng không được. Anh T xác định từ tháng 02/2018 đến nay anh, chị không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh T, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H, xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thúy H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thúy H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000895 ngày 13/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thúy H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền